SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT TRẦN QUỐC TOẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10, NĂM HỌC 2021-2022
Đơn vị: Trường THPT Trần Quốc Toản - Huyện Ea Kar

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
1	ĐÀM VĂN	AN	14	7	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Tày	K	TB	T	TB	T	TB	K	TB	5.60	1	27	
2	LÊ THỊ NGỌC	AN	15	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80		36	
3	NGUYỄN THÀNH	AN	7	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	7.20		30	
4	NGUYỄN THẾ	AN	29	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
5	VƯƠNG BÌNH	AN	8	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90		28	
6	ĐẶNG QUỐC	ANH	13	12	2006	NINH BÌNH	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.30		34	
7	ĐÀO VIỆT	ANH	17	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
8	HOÀNG NGUYỄN NGỌC	ANH	15	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	K	TB	T	K	6.70		31	
9	LẠI VIỆT	ANH	13	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	6.60		34	
10	LÊ TRỌNG	ANH	18	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
11	NGUYỄN HOÀNG	ANH	5	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
12	NGUYỄN NGỌC	ANH	9	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
13	NGUYỄN QUANG	ANH	13	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.50		24	
14	NGUYỄN TUẤN	ANH	20	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
15	PHẠM QUỐC	ANH	8	9	2006	NAM ĐỊNH	Nam	Kinh	K	K	K	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
16	PHAN VIỆT	ANH	9	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70		30	
17	TRƯƠNG NỮ HOÀNG	ANH	17	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	9.10		40	
18	VŨ THỊ VÂN	ANH	17	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
19	VŨ VIỆT	ANH	20	3	2006	HẢI DƯƠNG	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
20	VƯƠNG THỊ LAN	ANH	25	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	7.00		34	
21	CHU THỊ NGỌC	ÁNH	28	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		30	
22	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	5	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
23	VÕ HOÀNG	ÂN	27	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.90		36	
24	YÊN NGUYỄN HỒNG	ÂN	12	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
25	NGUYỄN ĐẶNG NGỌC	ÁI	7	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
26	Y PHƯỚC	ALÊ	27	1	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Ê-đê	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB	5.50	1	27	
27	NGUYỄN VĂN	BA	19	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.70		27	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
28	HOÀNG NGỌC	BẢO	17	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	5.90		30	
29	LÊ THÁI	BẢO	10	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20		40	
30	NGÔ GIA	BẢO	8	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20		40	
31	NGUYỄN NGỌC DUY	BẢO	22	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.70		28	
32	NGUYỄN THÁI	BẢO	21	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.40		40	
33	PHẠM NGỌC	BẢO	8	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
34	LĂNG VĂN	BÉ	18	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20	1	29	
35	ĐÀM NGỌC	BÍCH	17	3	2006	HÀ NỘI	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	TB	6.20		32	
36	HOÀNG THỊ NGỌC	BÍCH	8	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.10	1	35	
37	MÔNG THỊ	BÍCH	8	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	G	T	K	7.80	1	39	
38	ĐẶNG VĂN	BIÊN	7	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Tày	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90	1	29	
39	ĐẶNG THANH	BÌNH	27	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
40	HÀ THANH	BÌNH	18	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Tày	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.20	1	29	
41	LÊ THỊ THANH	BÌNH	2	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
42	LÊ TIẾN	BÌNH	30	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.00		40	
43	NHỮ THANH	BÌNH	2	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	6.40		30	
44	NHỮ THANH	BÌNH	15	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
45	PHAN THẾ	BÌNH	13	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	TB	TB	5.30		24	
46	THẨM VĂN	BÌNH	7	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Tày	T	K	T	K	K	K	K	TB	6.40	1	33	
47	HOÀNG THỊ BẢO	CHÂU	27	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	G	T	G	T	G	T	G	8.70	1	41	
48	LÊ THỊ DIỆU	CHI	4	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
49	NGUYỄN PHƯƠNG	CHI	17	9	2006	HẢI DƯƠNG	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
50	NGUYỄN THỊ	CHI	8	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.30		40	
51	TRẦN THỊ PHƯƠNG	CHI	10	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	7.10		34	
52	DƯƠNG XUÂN	CHIẾN	28	7	2006	TP. HỒ CHÍ MINH	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70		30	
53	TRƯƠNG GIA	CHIẾN	25	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	7.00		30	
54	NGUYỄN XUÂN	CHÍNH	2	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.90		26	
55	NGUYỄN HỮU THÀNH	CÔNG	11	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.60		25	
56	VÕ THÀNH	CÔNG	21	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
57	MÔNG VĂN	CƯƠNG	17	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB	5.80	1	28	
58	NGUYỄN VĂN	DIỆN	26	11	2004	YÊN BÁI	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10		28	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
59	ĐỖ THỊ MỸ	DUNG	7	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80		36	
60	DƯƠNG THỊ THÙY	DUNG	12	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.60		40	
61	HOÀNG THỊ	DUNG	7	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	6.60	1	31	
62	HOÀNG XUÂN	DUNG	14	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.60		40	
63	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	10	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.90		32	
64	HỨA HỒNG QUỐC	DŨNG	2	11	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.30		25	
65	LÊ TIẾN	DŨNG	20	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		27	
66	LƯƠNG ĐỨC	DŨNG	2	9	2006	TP. HỒ CHÍ MINH	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
67	NGUYỄN VĂN	DŨNG	13	12	2006	BẮC NINH	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	6.90	1	33	
68	LÊ THỊ QUỲNH	DƯƠNG	5	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.80		34	
69	TRIỆU THỊ BẠCH	DƯƠNG	30	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80	1	37	
70	PHẠM ĐĂNG	DUY	1	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	G	T	K	T	G	8.00		38	
71	PHẠM TUẤN ANH	DUY	14	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.50		36	
72	QUANG NHẬT	DUY	3	7	2006	KHÁNH HÒA	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00		38	
73	HỒ THỊ MỸ	DUYÊN	31	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	K	K	T	TB	6.20		33	
74	HUỲNH THỊ MỸ	DUYÊN	7	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.10		36	
75	LÊ THỊ KIỀU	DUYÊN	28	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
76	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	13	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
77	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	16	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	6.40		30	
78	NGUYỄN HỮU	ĐẠI	23	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		27	
79	NGUYỄN TIẾN	ĐÀN	24	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.90		34	
80	LÊ HẢI	ĐĂNG	16	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	G	8.30		37	
81	NGUYỄN VIẾT HOÀNG HẢI	ĐĂNG	26	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	K	6.60		29	
82	TRẦN HẢI	ĐĂNG	20	12	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.60		24	
83	TRIỆU THỊ	ĐÀO	19	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Dao	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50	1	37	
84	BÙI TẤN	ĐẠT	9	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	7.20		32	
85	ĐÀM TIẾN	ĐẠT	15	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Tày	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10	1	29	
86	ĐÀO VĂN	ĐẠT	4	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		27	
87	HOÀNG MINH	ĐẠT	14	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.60	1	29	
88	HUỲNH TẤN	ĐẠT	26	1	2006	THANH HÓA	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	6.30		27	
89	PHAN PHÚ	ĐẠT	16	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	K	TB	T	K	T	TB	6.70		31	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
90	LÊ HÀ ANH	ĐỨC	8	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	G	T	K	T	G	8.00		38	
91	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	1	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.40		28	
92	PHẠM ĐÌNH	ĐỨC	3	1	2006	ĐỒNG NAI	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
93	TRIỆU VIỆT	ĐỨC	3	3	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.80	1	29	
94	NGUYỄN LÝ MINH	GIANG	4	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
95	PHAN THỊ TRÀ	GIANG	28	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.10		36	
96	HỒ THỊ HỒNG	HÀ	7	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	6.80		34	
97	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HÀ	23	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	K	K	T	K	6.70		33	
98	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	21	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.40		28	
99	TRẦN THỊ THU	HÀ	23	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	K	K	7.40		33	
100	TRẦN THU	HÀ	26	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
101	TRẦN THU	HÀ	4	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10		28	
102	TRIỆU THANH	HÀ	4	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00	1	39	
103	TRIỆU THỊ	HÀ	16	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.70	1	35	
104	VŨ THỊ NGỌC	HẠ	17	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	6.90		34	
105	NGUYỄN NGỌC SƠN	HẢI	31	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.40		34	
106	LĂNG THỊ	HẰNG	27	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	TB	T	K	T	K	6.70	1	35	
107	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	21	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.40		40	
108	NÔNG THỊ	HẰNG	18	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.40	1	35	
109	ĐỖ THỊ HỒNG	HẠNH	29	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	G	T	K	T	K	7.40		37	
110	NGÔ THỊ HỒNG	HẠNH	31	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.40		40	
111	CHU VĂN	HẢO	16	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.50		28	
112	ĐỖ PHÚC	HẬU	19	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70		30	
113	LƯƠNG VĂN	HAY	20	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50	1	37	
114	VÕ NGỌC	HIẾN	3	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	K	6.80		32	
115	ĐOÀN THU	HIỀN	3	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
116	NGUYỄN PHÚC	HIỀN	24	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	K	6.50		28	
117	VŨ THỊ THU	HIỀN	20	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	K	TB	K	TB	K	TB	6.00		27	
118	LÊ VĂN	HIỆP	22	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.60		28	
119	NGUYỄN PHÚC	HIỆP	1	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
120	NGUYỄN VĂN	HIỆP	2	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	T	TB	K	TB	5.60		25	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
121	CHU XUÂN	HIẾU	3	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	6.40		25	
122	ĐINH NGỌC	HIẾU	15	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
123	LÊ THANH THÀNH	HIẾU	6	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB	5.70		26	
124	NGUYỄN VĂN	HIẾU	8	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	TB	6.80	1	33	
125	PHẠM NGUYỄN TRÍ	HIẾU	17	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	G	8.00		37	
126	NGUYỄN HUY PHI	HỒ	20	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
127	NGÔ THỊ THANH	HOA	24	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	K	TB	T	K	K	K	6.50		32	
128	DƯƠNG THỊ THU	HOÀI	27	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	K	7.40		37	
129	HỒ THỊ TRANG	HOÀI	5	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00		38	
130	LƯƠNG THỊ	HOÀI	17	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	6.40	1	31	
131	PHẠM ĐỖ DUY	HOAN	14	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
132	PHƯƠNG KIM	HOAN	29	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.70		25	
133	NGUYỄN VIỆT	HOÀN	14	12	2006	THÁI BÌNH	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80		36	
134	ĐINH NGUYÊN	HOÀNG	11	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
135	MAI XUÂN	HOÀNG	3	8	2006	THANH HÓA	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	K	7.90		37	
136	NGUYỄN	HOÀNG	6	4	2006	BÌNH ĐỊNH	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.50		32	
137	NGUYỄN HẢI	HOÀNG	17	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	6.30		30	
138	TÔ VIỆT	HOÀNG	23	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.90	1	35	
139	TRẦN VĂN	HOÀNG	26	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.80		34	
140	NGUYỄN THỊ	HỒNG	28	5	2006	NAM ĐỊNH	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.80		34	
141	NGUYỄN THỊ KIM	HỒNG	30	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
142	THẮM THỊ	HỒNG	10	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50	1	37	
143	BÙI THỊ	HUỆ	12	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Mường	T	K	T	K	T	TB	T	TB	6.70	1	33	
144	NGUYỄN THỊ KIM	HUỆ	7	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
145	PHẠM THỊ KIM	HUỆ	4	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	G	T	G	8.40		39	
146	BÙI MẠNH	HÙNG	26	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.70		28	
147	ĐINH TUẤN	HÙNG	21	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
148	HOÀNG SỸ	HÙNG	20	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.90	1	37	
149	VŨ ĐÌNH HUY	HÙNG	11	10	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90		27	
150	ĐÀM VĂN	HƯNG	1	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.70	1	25	
151	VŨ THỊ	HƯƠNG	25	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
152	VŨ THỊ CẨM	HƯƠNG	5	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
153	HOÀNG THỊ	HƯỜNG	4	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50	1	41	
154	MÔNG THỊ	HƯỜNG	25	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	G	T	G	T	G	8.30	1	40	
155	TRẦN VĂN	HƯỞNG	7	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	K	TB	6.10		26	
156	NGUYỄN ĐĂNG NHẬT	HUY	1	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	6.20		25	
157	NGUYỄN QUỐC	HUY	12	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.60		34	
158	VŨ VĂN	HUY	9	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
159	NGUYỄN LÊ KHÁNH	HUYỀN	12	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.30		40	
160	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	23	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
161	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	2	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	K	TB	T	K	6.80		31	
162	NHỮ ĐÌNH	HUYỂN	16	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	5.80		27	
163	TRẦN DIỆP	KHA	11	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.40		40	
164	NGUYỄN THẾ	KHANG	7	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	6.10		26	
165	BẾ MINH	KHÁNH	11	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70	1	31	
166	HỒ TRỌNG	KHÁNH	23	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80		36	
167	PHẠM THỊ ÁNH	KHUYÊN	18	2	2006	NAM ĐỊNH	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.30		39	
168	ĐÀO NGỌC	KIÊN	2	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	6.90		30	
169	ĐỖ TRUNG	KIÊN	25	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	TB	TB	T	TB	K	TB	5.20		24	
170	TRẦN TRUNG	KIÊN	19	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	K	6.60		32	
171	CHÂU MẠNH	KIỆT	13	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
172	HỒ THỊ MỸ	KIỀU	10	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
173	Y CHÂU	KSƠR	28	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Ê-đê	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.40	1	29	
174	Y TẤN	KSƠR	27	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Ê-đê	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.80	1	26	
175	CAO THỊ HƯNG	LAM	18	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	6.90		34	
176	NGUYỄN THỊ NHƯ	LAM	30	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.60		40	
177	LÀNH THỊ	LAN	29	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30	1	37	
178	LƯƠNG ĐAN	LÊ	4	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
179	HỨA VĂN	LIÊN	2	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30	1	29	
180	CHU NGỌC PHƯƠNG	LINH	28	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	G	T	G	8.00		39	
181	HÀ CHÚC	LINH	7	12	2006	HẢI DƯƠNG	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
182	HOÀNG THỊ	LINH	20	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	6.10		27	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
183	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	29	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50		40	
184	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	28	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	TB	7.10	1	35	
185	NGUYỄN DIỆU	LINH	21	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
186	NGUYỄN HÀ PHƯỚC	LINH	30	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.20		39	
187	NGUYỄN THỊ	LINH	20	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	7.80		34	
188	NGUYỄN THỊ YẾN	LINH	4	3	2006	BẮC NINH	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20	1	41	
189	NGUYỄN THÙY	LINH	9	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.10		39	
190	PHẠM BÙI PHƯƠNG	LINH	3	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	8.00		36	
191	PHẠM HUỲNH MAI	LINH	21	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	G	8.00		37	
192	PHAN KHÁNH	LINH	4	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.10		36	
193	TRẦN THỊ DIỆU	LINH	13	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		30	
194	TRƯƠNG VĨNH	LINH	20	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50		40	
195	LÊ THỊ	LOAN	25	3	2006	BÌNH ĐỊNH	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
196	NGUYỄN QUỐC	LỘC	8	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.50		28	
197	TẠ ĐÌNH	LỘC	6	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00		38	
198	NGÔ QUỐC	LONG	14	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.30		24	
199	NGUYỄN TRƯỜNG	LONG	20	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB	5.70		26	
200	PHẠM HẢI	LONG	16	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
201	VŨ XUÂN	LUÂN	21	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	K	T	K	K	K	T	K	6.70		34	
202	TRỊNH ĐÌNH	LỰC	29	11	2006	THANH HÓA	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
203	ĐOÀN QUỐC	LƯỢNG	21	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.30		25	
204	BẾ THỊ	LY	8	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60	1	37	
205	ĐẶNG NGUYỄN LY	LY	16	4	2006	NAM ĐỊNH	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	6.50		34	
206	NGUYỄN XUÂN LY	LY	17	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.00		39	
207	PHAN THỊ CẨM	LY	6	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.90		36	
208	VŨ THỊ TRÚC	LY	10	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
209	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	28	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.00		34	
210	TRẦN THỊ	MAI	14	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.10		36	
211	TRẦN ĐỨC	MẠNH	25	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
212	NGUYỄN THỊ DIỆU	MẾN	24	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.60	1	41	
213	PHAN THỊ	MI	9	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.30		34	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
214	ĐỖ TRẦN HOÀNG	MINH	10	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	7.10		32	
215	ĐOÀN CÔNG	MINH	5	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
216	LÊ HOÀNG	MINH	20	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	T	TB	K	TB	5.90		25	
217	LƯƠNG THỊ THU	MINH	2	9	2006	TP HỒ CHÍ MINH	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80		36	
218	PHẠM TÚ	MINH	27	3	2006	NAM ĐỊNH	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
219	NGUYỄN HOÀNG	MY	30	5	2006	TP HỒ CHÍ MINH	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
220	NGUYỄN KIỀU HỌA	MY	28	6	2006	PHÚ YÊN	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
221	NGUYỄN NGỌC TRÀ	MY	21	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.00		39	
222	NGUYỄN HOÀNG	NAM	22	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.70		32	
223	NGUYỄN QUANG	NAM	14	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90		28	
224	TRẦN VĂN	NAM	9	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	K	6.70		32	
225	PHẠM THỊ TTHU	NGA	20	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	6.60		32	
226	TRẦN KIM	NGA	19	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	G	T	G	8.10		39	
227	TRẦN THANH	NGÂN	17	9	2006	HÀ TĨNH	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.60		28	
228	HOÀNG VĂN	NGHĨA	26	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.80	1	28	
229	NGUYỄN PHƯỚC	NGHĨA	20	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	7.20		30	
230	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	27	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.80		30	
231	MAI THỊ BÍCH	NGỌC	2	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
232	TRẦN THỊ	NGỌC	27	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.00		40	
233	VÕ THỊ MỸ	NGỌC	4	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
234	LÊ HIẾU	NGUYÊN	2	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
235	NGUYỄN VŨ	NGUYÊN	18	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	TB	6.40		32	
236	PHẠM ĐỨC	NGUYÊN	10	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10		28	
237	TRỊNH PHAN CAO	NGUYÊN	12	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	7.10		34	
238	HOÀNG THỊ BÍCH	NGUYỆT	29	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	TB	T	K	T	TB	6.40	1	31	
239	PHAN THỊ	NGUYỆT	19	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	7.10		34	
240	LÊ THỊ THANH	NHÀN	26	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
241	PHẠM DUY	NHẬT	20	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
242	PHAN NGUYỄN QUANG	NHẬT	19	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.20		34	
243	BÙI THỊ TUYẾT	NHI	7	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80		36	
244	DƯƠNG PHAN Ý	NHI	27	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
245	HOÀNG YẾN	NHI	21	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	G	T	G	T	G	8.10		39	
246	LƯU THỊ YẾN	NHI	9	5	2006	THANH HÓA	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.30		34	
247	NAY NGỌC	NHI	22	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Ê-đê	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50		40	
248	NGUYỄN THẢO	NHI	15	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.30		40	
249	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	18	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
250	TRẦN THỊ NGỌC	NHI	23	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	K	6.60		29	
251	TRẦN THỊ YẾN	NHI	24	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.40		34	
252	TRẦN THỊ YẾN	NHI	6	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	K	TB	T	TB	K	TB	T	TB	5.90		26	
253	VÕ THỊ YẾN	NHI	1	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.70		32	
254	VŨ NGỌC	NHI	23	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
255	ĐỖ THỊ QUỲNH	NHƯ	18	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB	6.30		27	
256	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	NHƯ	9	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
257	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	20	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	7.30		34	
258	QUANG THỊ THU	NHƯ	10	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.10		34	
259	VŨ THỊ ANH	NHƯ	3	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	K	7.00		32	
260	VƯƠNG HOÀNG	NHƯ	24	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
261	CHÂU THỊ HỒNG	NHUNG	3	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20		40	
262	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	10	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.90		40	
263	PHẠM HỒNG	NHUNG	5	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50		40	
264	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	13	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.30		40	
265	H SƯƠNG	NIÊ	18	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Ê-đê	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10	1	29	
266	H'DỊP XÀ	NIÊ	16	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Ê-đê	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70	1	31	
267	HOÀNG THỊ	PHẤN	10	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	G	T	G	T	G	8.40	1	40	
268	NGUYỄN HOÀNG	PHI	26	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	T	K	6.50		29	
269	NGUYỄN QUỐC	PHI	30	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	TB	K	7.80		33	
270	LÊ HỒNG	PHONG	19	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.80		28	
271	TRẦN VĂN	PHONG	10	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	TB	5.90		27	
272	NGUYỄN HOÀNG	PHÚ	30	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.40		28	
273	TRẦN DUY	PHÚ	22	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB	5.90		27	
274	NGUYỄN VĨNH	PHÚC	5	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.30	1	35	
275	NGUYỄN GIA	PHÚC	19	6	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	T	TB	T	TB	6.00		26	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
276	NGUYỄN HOÀNG	PHÚC	6	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.60		25	
277	TRẦN HỒNG	PHÚC	14	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10		28	
278	BÙI NGÔ BÍCH	PHƯƠNG	19	2	2006	KHÁNH HÒA	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
279	LÊ MINH	PHƯƠNG	19	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	6.80		34	
280	LÊ THỊ CÚC	PHƯƠNG	25	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00		38	
281	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	20	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
282	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	4	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80		36	
283	NHỮ ĐÌNH	PHƯƠNG	9	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	K	6.60		28	
284	TRIỆU THỊ	PHƯỢNG	4	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.80	1	35	
285	VŨ THỊ	PHƯỢNG	15	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.50		36	
286	NGUYỄN MINH	QUÂN	31	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
287	TRẦN MINH	QUANG	3	6	2006	BÌNH DƯƠNG	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70	1	37	
288	NGUYỄN THÀNH	QUÝ	16	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
289	PHÙNG VĂN	QUÝ	8	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10	1	29	
290	VŨ THỊ NGỌC	QUÝ	3	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
291	LÊ THỊ THÚY	QUYÊN	17	9	2006	LÂM ĐỒNG	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
292	NGUYỄN MINH	QUYÊN	11	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
293	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	15	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	7.20		30	
294	NGUYỄN THỊ DIỆU	QUYÊN	18	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
295	VŨ ĐÌNH	QUYẾN	22	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	K	6.50		29	
296	THÁI MINH	QUYỀN	10	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
297	VÕ THỊ LỆ	QUYỀN	5	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.80		32	
298	NGUYỄN THÀNH	QUYẾT	30	8	2006	GIA LAI	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.40		28	
299	TRƯƠNG GIA	QUYẾT	17	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	6.90		32	
300	ĐINH THỊ NHƯ	QUỲNH	2	9	2006	ĐỒNG NAI	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
301	ĐOÀN NGỌC NHƯ	QUỲNH	28	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	K	K	6.50		31	
302	HỒ THỊ	QUỲNH	10	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80		36	
303	LÊ NHƯ	QUỲNH	5	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	G	T	G	T	K	T	K	7.90		38	
304	LÊ THỊ	QUỲNH	16	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	K	T	G	8.30		39	
305	NGÔ NHƯ	QUỲNH	17	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	K	7.30		37	
306	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	2	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.40		40	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
307	ĐÀO HẢI	SƠN	18	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
308	ĐỖ ĐÌNH HOÀI	SƠN	2	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	K	6.90		32	
309	VÕ TIẾN	SỸ	21	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.60		32	
310	NGUYỄN QUỐC	TÀI	14	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	7.00		32	
311	NÔNG THỊ MINH	TÂM	10	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	TB	6.70	1	35	
312	PHAN TRẦN BẢO	TÂM	19	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
313	VƯƠNG VẠN	TẤN	13	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.80	1	29	
314	VÕ MINH	THẠCH	18	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
315	NGUYỄN DANH	THÁI	7	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	6.90		32	
316	BÙI HUY	THẮNG	15	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		27	
317	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	30	12	2006	PHÚ YÊN	Nam	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	K	8.10		37	
318	NGUYỄN NGỌC	THẮNG	1	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.20		34	
319	NGUYỄN VĂN	THẮNG	13	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
320	HOÀNG THỊ	THANH	2	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.70		36	
321	LÊ THỊ	THANH	4	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Mường	T	K	T	K	T	K	T	K	6.80	1	37	
322	NGÔ THỊ HOÀI	THANH	9	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	G	T	G	T	K	8.00		38	
323	PHẠM THỊ DIỆU	THANH	13	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20		40	
324	ĐỖ TRÍ	THÀNH	18	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	K	7.70		37	
325	NGUYỄN VĂN	THÀNH	27	8	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	TB	7.10		34	
326	PHAN VĂN	THÀNH	28	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
327	NGUYỄN NGỌC	THẢO	10	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	G	T	G	8.20		39	
328	PHAN THỊ THANH	THẢO	19	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
329	PHÙNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	11	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.20	1	35	
330	TRẦN THỊ THANH	THẢO	12	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
331	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	1	7	2006	CÀ MAU	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	6.80		32	
332	VŨ HIẾU	THẢO	13	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	K	T	G	T	K	7.70		38	
333	HUỲNH GIA	THIỀU	31	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
334	LÊ GIA	THỊNH	22	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	T	TB	5.90		27	
335	LÊ XUÂN	THỊNH	2	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.50		40	
336	NGUYỄN VĂN	THỊNH	11	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	TB	5.60		26	
337	NGUYỄN XUÂN	THỊNH	8	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.60		40	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
338	NGUYỄN VĂN	THỌ	24	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	K	7.20		37	
339	NGUYỄN VĂN	THÔNG	16	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
340	LƯƠNG THỊ HOÀI	THU	5	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	TB	T	K	6.70	1	33	
341	NGUYỄN THỊ	THU	10	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80		36	
342	THÁI THỊ LỆ	THU	14	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
343	HUỲNH THỊ MINH	THƯ	7	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
344	LÊ NGUYỄN ANH	THƯ	3	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.90		36	
345	LÊ THỊ MINH	THƯ	16	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
346	NGUYỄN ANH	THƯ	17	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.20		40	
347	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	2	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	K	7.40		37	
348	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	3	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.80		40	
349	PHẠM MINH	THƯ	18	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	G	8.00	1	39	
350	VŨ THỊ MINH	THƯ	4	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
351	NGUYỄN VĂN	THỨC	2	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB	5.40		26	
352	NGUYỄN THỊ THANH	THƯƠNG	3	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	5.60	1	37	
353	PHAN THỊ	THƯƠNG	26	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
354	MÔNG THỊ	THÚY	31	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	G	T	G	8.00	1	39	
355	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	6	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	6.70		34	
356	MÔNG THỊ BÍCH	THÙY	13	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40	1	37	
357	PHAN THỊ KIM	THÙY	21	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
358	VI THỊ	THỦY	12	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10	1	29	
359	MAI THỦY	TIÊN	30	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	7.00		34	
360	NGUYỄN VIỆT	TIẾN	14	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
361	NGUYỄN TRẦN VĂN	TÍN	1	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
362	ĐÀO TRUNG	TÍNH	10	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
363	ĐẶNG NGỌC	TOÀN	9	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90		28	
364	NGUYỄN MINH	TOÀN	14	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
365	ĐÀM THỊ QUỲNH	TRÂM	2	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.40		36	
366	DƯƠNG THỊ HUYỀN	TRÂM	24	7	2006	PHÚ YÊN	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	G	8.00		38	
367	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂM	5	5	2006	BÌNH THUẬN	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70		30	
368	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	17	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
369	VÕ TRẦN BẢO	TRÂM	10	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.20		28	
370	NGUYỄN BÍCH	TRÂN	6	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
371	LÊ THỊ ĐÀI	TRANG	10	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	K	7.50		37	
372	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	7	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.70	1	41	
373	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	6	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.10		38	
374	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	24	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
375	NGUYỄN TRẦN THẢO	TRANG	26	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	6.90		34	
376	TRẦN THỊ MAI	TRANG	31	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90		28	
377	TRỊNH VÂN	TRANG	14	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	G	T	G	T	G	T	G	8.30		40	
378	VŨ THỊ HUYỀN	TRANG	14	9	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	K	TB	K	TB	6.10		26	
379	NGÔ BẢO	TRÍ	23	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.30		36	
380	NGUYỄN THÀNH	TRÍ	1	7	2006	PHÚ YÊN	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
381	VŨ DUY	TRÌNH	2	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	TB	T	K	7.20		34	
382	TRỊNH VĂN	TRỌNG	9	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
383	PHAN THỊ THANH	TRÚC	27	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
384	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	19	10	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	K	TB	K	TB	K	TB	5.20		24	
385	TRẦN MINH	TRUNG	28	9	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	K	TB	6.10		27	
386	NGUYỄN VĂN	TRƯƠNG	12	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	K	TB	5.50		26	
387	CÙ XUÂN	TRƯỜNG	14	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	K	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00	1	28	
388	HÀ DUY	TRƯỜNG	7	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.80		30	
389	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	17	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	K	TB	T	TB	5.90		29	
390	ĐINH THỊ NGỌC	TÚ	27	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
391	NGUYỄN ANH	TÚ	30	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	K	TB	6.20		29	
392	NGUYỄN MINH	TÚ	8	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	7.80		34	
393	NGUYỄN VĂN	TÚ	29	11	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
394	NHỮ MINH	TÚ	28	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.70		28	
395	TRẦN THANH	TÚ	10	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.30		28	
396	YÊN BÙI CẨM	TÚ	24	6	2006	QUẢNG NGÃI	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.60		36	
397	HOÀNG TRƯƠNG ANH	TUẤN	11	10	2006	ĐỒNG NAI	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	G	8.10		38	
398	NGUYỄN ANH	TUẤN	22	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
399	PHẠM MINH QUỐC	TUẤN	18	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	K	TB	K	TB	T	K	6.70		28	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
400	TRẦN ANH	TUẤN	12	6	2006	BÌNH THUẬN	Nam	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
401	VÕ HOÀNG MINH	TUẤN	15	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	TB	5.10		30	
402	HOÀNG XUÂN	TÙNG	20	7	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.60		30	
403	HỨA VĂN	TÙNG	7	2	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.70	1	29	
404	VƯƠNG THANH	TÙNG	8	4	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Nùng	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.90	1	29	
405	NÔNG THỊ	TUYỀN	1	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.20	1	35	
406	HOÀNG THỊ NGỌC	TUYẾT	5	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	G	T	K	7.90	1	39	
407	LƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	22	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	TB	T	K	T	K	T	TB	6.90	1	33	
408	VÕ ÁNH	TUYẾT	18	10	2006	BÌNH ĐỊNH	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.70		30	
409	ĐẬU VŨ PHƯƠNG	UYÊN	19	12	2006	TP HỒ CHÍ MINH	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
410	ĐINH THỊ KHÁNH	UYÊN	4	5	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Tày	T	G	T	G	T	G	T	G	8.10		40	
411	ĐOÀN THỊ THU	UYÊN	18	12	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	7.50		34	
412	NGUYỄN PHẠM TÚ	UYÊN	30	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	G	T	K	7.50	1	39	
413	NGUYỄN THỊ DIỆP	UYÊN	1	5	2006	BÌNH PHƯỚC	Nữ	Kinh	T	G	T	K	T	K	T	G	8.30		38	
414	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	22	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
415	HOÀNG THỊ	VÂN	22	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Nùng	T	K	T	K	T	K	T	K	7.80	1	37	
416	PHẠM HẢI	VÂN	20	9	2006	GIA LAI	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	K	T	K	7.00		32	
417	TRẦN VĂN	VÀNG	9	6	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	6.60		34	
418	LÊ THỊ THU	VI	30	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
419	TRẦN THỊ HỒNG	VI	12	6	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.90		36	
420	VÕ TRẦN TRÀ	VI	13	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.10		36	
421	HỒ BÍCH	VIỆT	20	11	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	K	T	K	6.60		34	
422	LÊ ĐỨC	VIỆT	27	9	2005	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
423	PHẠM VĂN	VIỆT	22	5	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.10		28	
424	ĐẶNG THẾ	VŨ	14	12	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.90		30	
425	NGÔ NGỌC	VŨ	9	1	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	K	T	TB	T	TB	6.10		30	
426	NGUYỄN TUẤN	VŨ	18	4	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
427	NGUYỄN HOÀNG	VƯƠNG	4	3	2006	ĐẮK LẮK	Nam	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	5.80		28	
428	CHU THỊ CẨM	VY	29	4	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.20		36	
429	HUỲNH CAO BẢO	VY	4	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	K	TB	T	TB	T	K	6.70		29	
430	LÊ THỊ YẾN	VY	16	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	TB	T	TB	T	K	6.90		32	

TT	Họ và tên		Ngày sinh			Nơi sinh (huyện, tỉnh)	Giới tính	Dân tộc	Xếp loại HL, HK các năm học THCS								ĐTBCN lớp 9	Điểm UT	Tổng điểm XT	Ghi chú
			Ng	Th	Năm				Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9					
431	LƯƠNG YẾN	VY	16	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	G	T	G	T	G	8.30	1	40	
432	LÝ ÁI	VY	4	3	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	6.50		36	
433	NGUYỄN THỊ HÀ	VY	7	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
434	TRẦN BẢO	VY	19	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	G	T	G	T	K	7.90		38	
435	TRẦN THỊ NHẬT	VY	15	2	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
436	VŨ KHÁNH	VY	3	1	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	TB	6.00		28	
437	BÙI HẰNG	XUÂN	26	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.00		36	
438	ĐỖ THỊ	XUÂN	2	10	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	TB	T	TB	T	K	6.50		30	
439	HỒ THỊ	XUÂN	10	8	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	K	T	K	T	K	T	K	7.50		36	
440	HÀ MAI PHI	YẾN	25	7	2006	ĐẮK LẮK	Nữ	Kinh	T	TB	T	K	T	K	T	K	7.00		34	

Tổng cộng danh sách này có 440 thí sinh.